

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19 /2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/9/2019

“V/v : ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

2. Bà Lò Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24/7/2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngân Thị T, sinh năm 1971. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn P, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa chị Ngân Thị T trình bày: Chị và anh Lò Văn P tự do tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, hai người chung sống như vợ chồng từ năm 1990 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật . Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống hai bên không hợp nhau. Mặt khác, anh P nghiện ma túy nhiều năm, hai người đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn , yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh P.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự bị đơn anh Lò Văn P thừa nhận việc anh và chị Ngân Thị T chung sống như vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị T đã trình bày. Mặt khác, do bản thân nghiện ma túy nhiều năm, hiện nay

đang uống thuốc methanol và tự cai nghiện ở nhà. Nên anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân, anh nhất trí.

Về con chung: Chị T và anh P có 04 người con, 03 người con đã trưởng thành, riêng cháu Lò Văn H, sinh ngày 08/3/2003. Khi ly hôn chị T nhận nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh P vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lò Văn P. Về luật nội dung căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T: Tuyên bố không công nhận chị Ngân Thị T và anh Lò Văn P là vợ chồng. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Văn H, sinh ngày 08/3/2003, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Ngân Thị T và anh Lò Văn P đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Lò Văn P và anh P đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa anh P vắng mặt, chị Ngân Thị T không yêu cầu hoãn phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh P.

[2] Nguyên đơn chị Ngân Thị T và bị đơn anh Lò Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 tại thôn B, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân xã G, huyện V đã xác nhận chị T và anh P không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 14 khoản 1 và Điều 53 khoản 2 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc chung sống như vợ chồng giữa chị T và anh P không làm

phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Yêu cầu của chị T được Tòa án chấp nhận và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh P.

[3]. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Văn H, sinh ngày 08/3/2003, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Ngân Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Ngân Thị T và anh **Lò Văn P**.**

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Văn H, sinh ngày 08/3/2003, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Ngân Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0000235 ngày 24/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngân Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã G;
- Các đương sự (2b)
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Quốc Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- UBND xã Phúc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Phú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA